

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐẠO TIN LÀNH Ở VÙNG MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM¹

TS. Trịnh Thị Lan
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Đạo Tin Lành xuất hiện ở vùng miền núi phía Bắc từ những năm 40 của thế kỷ XX, song do những hoàn cảnh nhất định nên việc truyền đạo kém hiệu quả. Đến những năm 80 thế kỷ XX, Tin Lành mới thực sự đi vào đời sống một số tộc người nơi đây, chủ yếu là người Hmông và người Dao ở các tỉnh biên giới như Hà Giang, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Cao Bằng, Sơn La. Đây là địa bàn hiểm trở, đi lại khó khăn, nên việc truyền giáo thực hiện qua các phương tiện truyền thanh tiếng Hmông từ nước ngoài. Một bộ phận đồng bào bị các thế lực lợi dụng vấn đề tôn giáo nhằm tuyên truyền, kích động chống phá Nhà nước, gây ra những bất ổn về an ninh chính trị, trật tự xã hội. Bài viết này được tác giả rút ra từ kết quả khảo sát thực địa và kế thừa một số nghiên cứu của nhà khoa học đi trước, tập trung làm rõ những đặc điểm của đạo Tin Lành ở vùng miền núi phía Bắc nước ta.

Từ khóa: Đạo Tin Lành, miền núi phía Bắc, tôn giáo, dân tộc thiểu số.

Ngày nhận bài: 4/10/2019; ngày gửi phản biện: 8/10/2019; ngày duyệt đăng: 4/12/2019

Miền núi phía Bắc nước ta là địa bàn cư trú của hơn 30 dân tộc với dân số hàng chục triệu người. Đời sống tâm linh của đồng bào chủ yếu theo tín ngưỡng truyền thống - thờ cúng đa thần, và một bộ phận theo những tôn giáo khác như Công giáo, Phật giáo, Tin Lành. Riêng đạo Tin Lành, vào những năm 40 của thế kỷ XX các giáo sĩ đã tiến hành truyền giáo nhưng hiệu quả không cao, chỉ đến cuối những năm 80 thế kỷ XX mới lan rộng trong khu vực này. Từ khảo sát thực tế và một số nghiên cứu cho thấy, so với các vùng miền khác, Tin Lành ở miền núi phía Bắc có những đặc điểm riêng, bài viết này tập trung làm rõ một số đặc điểm đó.

1. Tin Lành truyền vào miền núi phía Bắc muộn hơn so với các vùng miền khác

Đạo Tin Lành vào Việt Nam từ những năm đầu thế kỷ XX, do tổ chức Hội Liên Hiệp Cơ đốc và Truyền giáo - The Christian and Missionary of Alliance (Hội Truyền giáo CMA) thuộc Tin Lành Bắc Mỹ. Năm 1911, cơ sở đầu tiên được đặt tại Đà Nẵng là dấu mốc mở đầu

¹ Bài viết là kết quả của đề tài cấp Cơ sở năm 2019: “Một số vấn đề về đạo Tin Lành ở vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc Việt Nam”, do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Trần Thị Hồng Yên và ThS. Lê Trần Quyên đồng chủ nhiệm.

cho lịch sử Tin Lành ở nước ta. Năm 1927, Hội Tin Lành Đông Pháp (Tổ chức Tin Lành của người Việt) được thành lập, bầu ra ban trị sự Tổng liên hội do mục sư Hoàng Trọng Thừa làm Hội trưởng. Năm 1945, tên gọi Hội Thánh Tin Lành Việt Nam được thay thế cho Hội Tin Lành Đông Pháp.

Sau khi xây dựng được một số cơ sở ở vùng đồng bằng và thành lập tổ chức giáo hội, công cuộc truyền giáo tới các khu vực khác bước đầu được thực hiện. Năm 1930, đạo Tin Lành tổ chức những hoạt động truyền giáo vào Tây Nguyên. Về sau còn có các tổ chức như Hội Truyền giáo Cơ Đốc, Cơ Đốc Phục Lâm, Ngũ Tuần... tiếp tục truyền giáo xây dựng cơ sở tại Tây Nguyên. Giai đoạn 1945 -1954, các hoạt động truyền giáo vào vùng dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên được đẩy mạnh hơn trước.

Giai đoạn 1954 -1975, do bối cảnh lịch sử nên tình hình đạo Tin Lành ở hai miền có khác biệt, phần đông mục sư và tín đồ ở phía Bắc đã di cư vào Nam, số ở lại thành lập ra tổ chức Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc), hoạt động từ vùng Nghệ An trở ra, đây là giai đoạn hoạt động cầm chừng của Tin Lành phía Bắc. Ngược lại, Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) lúc này có được sự hỗ trợ từ bên ngoài nên phát triển rất mạnh mẽ. Sau năm 1975, hoạt động của đạo Tin Lành trong cả nước nói chung bị chững lại, nhưng đến cuối những năm 1980 đầu 1990 đạo Tin Lành phát triển trở lại.

Đối với miền núi phía Bắc, từ những năm 30 - 40 thế kỷ của XX, Hội Thánh Tin Lành Việt Nam đã tiến hành truyền đạo vào khu vực này nhưng không thành công. Họ chỉ lập được một vài nhóm nhỏ rải rác trong vùng người Mường ở Hòa Bình, người Thái ở Sơn La, người Hmông ở Lào Cai, người Dao ở Lạng Sơn,... Nhưng sau năm 1954, những nhóm này đã tan rã, chỉ còn lại nhóm nhỏ người Dao theo Tin Lành ở huyện Bắc Sơn tỉnh Lạng Sơn. Đến cuối thập niên 80 thế kỷ XX, Tin Lành mới lan rộng ở vùng đồng bào dân tộc Hmông với tên gọi “Vàng Chữ” và dân tộc Dao dưới tên gọi “Thìn Hùng”.

2. Đối tượng truyền giáo chủ yếu là hai dân tộc Hmông và Dao ở vùng xa xôi, hẻo lánh

Là tôn giáo sinh sau, khi các tôn giáo lớn như Công giáo, Phật giáo, Hồi giáo đã có địa bàn thuận tiện để hoạt động, nên đạo Tin Lành buộc phải đi đến vùng đất xa xôi, nơi mà các tôn giáo lớn khác chưa tới hoặc truyền đạo không thành công. Vì thế, địa bàn truyền giáo của đạo Tin Lành không giới hạn. Đến những năm 90 thế kỷ XX, đạo Tin Lành không chỉ bén rễ ở hai dân tộc Hmông và Dao, mà còn truyền đến các dân tộc khác như Tày, Nùng, Thái, Pà Thẻn, La Hủ, Sán Chay,... Cùng với việc gia tăng số lượng tín đồ cũng như mở rộng địa bàn hoạt động, đạo Tin Lành ở miền núi phía Bắc từng bước hình thành những mô hình tổ chức.

Nhìn lại quá trình phát triển đạo Tin Lành trong nước cho thấy, đồng bào dân tộc thiểu số ở bất kỳ giai đoạn nào cũng đều là đối tượng chính được tôn giáo này ưu tiên tuyên truyền để gia tăng tín đồ, trong đó Tây Nguyên và miền núi phía Bắc luôn chiếm một tỷ lệ rất lớn số lượng tín đồ đạo Tin Lành của cả nước. Do có nhiều yếu tố tương thích với lịch sử hình thành và phát triển cũng như tín ngưỡng của hai dân tộc Hmông và Dao, nên đạo Tin Lành

chủ yếu phát triển mạnh trong cộng đồng hai dân tộc này. Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, tính đến tháng 3/2015, ở miền núi phía Bắc có 182.679 tín đồ Tin Lành, trong đó tín đồ người dân tộc thiểu số có 181.615, chủ yếu là người Hmông (90%), số còn lại là người Dao và một vài dân tộc khác. Vì vậy, cộng đồng Tin Lành người Hmông giữ vai trò quan trọng và ảnh hưởng đến các dân tộc cùng theo Tin Lành ở vùng miền núi phía Bắc (Trần Thị Hồng Yến chủ biên, 2018, tr. 335).

Ở giai đoạn đầu, Chúa trong đạo Tin Lành được nhất thể hóa với *Vàng Chử* và *Thìn Hùng*, với hình tượng vị vua và thiên thần trong tín ngưỡng của người Hmông, người Dao. Đạo Tin Lành đã “khéo” nắm bắt những đặc điểm tương đồng giữa các sự tích, nhân vật trong truyền thuyết của người Hmông và các nhân vật trong kinh thánh để truyền đạo. Tác giả Vương Duy Quang cho rằng, trong lịch sử và văn hóa cổ truyền, người Hmông chưa bao giờ có khái niệm *Vàng Chử*. Sự thật, đó là một biểu tượng mới được gá lắp từ những mảnh truyền thuyết, tâm linh, tâm lý tộc người. Nó hoàn toàn được hình thành trên cơ sở khái niệm *Vàng* của người Hmông, tên gọi Vàng Chử - vua chủ, vương chủ, hay Vua chủ trời nhằm Hmông hóa đức Chúa trời với ông vua trong lịch sử hay trong truyền thuyết huyền thoại của người Hmông để từ đó người ta kêu gọi dân tộc này phải theo *Vàng Chử* như theo vị vua mới của mình, hy vọng sau này được hưởng phúc (Vương Duy Quang, 2005, tr. 184).

Từ năm 1993, số lượng người theo Tin Lành có sự gia tăng đột biến. Những người đứng đầu các điểm nhóm thường liên hệ với Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) để nhận tài liệu và tài chính, được hướng dẫn, giảng giải về giáo lý và nghi lễ, khi trở về họ chính là người hướng dẫn sinh hoạt đạo Tin Lành cho tín đồ tại địa phương.

Năm 2002, Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) đã đơn phương ra văn bản công nhận hơn 500 hội thánh tại các tỉnh. Theo báo cáo của Ban Tôn giáo Chính phủ, đến năm 2005, các tỉnh thành miền núi phía Bắc có gần 100.000 người ở 874 thôn/bản thuộc các dân tộc Hmông, Dao, Tày, Nùng, Sán Chay... theo đạo Tin Lành, tập trung nhiều nhất tại Điện Biên: 23.205 người, Cao Bằng: 14.342 người, Hà Giang: 12.556 người, Bắc Kạn: 12.019 người, Lai Châu: 11.307 người, Lào Cai: 9.370 người, Tuyên Quang: 6.020 người, Thái Nguyên: 4.528 người,... Ngoài ra, còn có hơn 50.000 người Hmông theo Tin Lành đã di cư vào Tây Nguyên (Vụ Tin Lành, 2015, tr. 40).

Đến năm 2018, các tỉnh miền núi phía Bắc có 213.913 người theo đạo Tin Lành, với 163 chức sắc, chức việc; sinh hoạt tại 1.184 điểm nhóm, trong đó có 424 điểm nhóm đã được cấp đăng ký sinh hoạt theo Chỉ thị 01 của Thủ tướng Chính phủ (Lê Bá Trình, 2018).

Như vậy, ngoài tầng lớp thị dân, đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng miền núi xa xôi, hẻo lánh là đối tượng truyền đạo quan trọng tiếp theo của đạo Tin Lành. Đây là vùng đất mới - nơi chưa có tôn giáo chính thống hoặc tín ngưỡng truyền thống đang suy thoái. Bên cạnh đó, miền núi còn là nơi tập trung nhiều dân tộc có đời sống khó khăn, trình độ dân trí thấp.

Cho nên, khi truyền đạo đến những vùng này, Tin Lành phát huy được sự thuận lợi là “đơn giản về luật lệ, lễ nghi, cách thức hành đạo”.

3. Phương thức truyền giáo đơn giản, dễ hiểu

Ở miền núi phía Bắc, Tin Lành xâm nhập và phát triển trước hết thông qua các phương tiện phát thanh bằng tiếng Hmông như đài FEBC (Far East Broadcasting company) và Đài Chân lý Á châu (Radio Veritas Asia) từ Malina, Philippine cùng các tài liệu được đưa vào trong nước bất hợp pháp, sau đó mới là người truyền giáo. Đài FEBC, Veritas xây dựng những chương trình bằng tiếng dân tộc, phù hợp với tâm lý, đặc điểm cư trú ở vùng miền núi xa xôi hiểm trở; nếu chỉ truyền đạo theo cách người truyền giáo phải đến tận nơi để tuyên truyền thì rất khó thực hiện. Đa số các cơ quan chức năng gọi khoảng thời gian truyền giáo đầu tiên này là giai đoạn “Vàng Chữ”. Địa điểm đầu tiên có người theo Tin Lành dưới tên gọi “Vàng Chữ” là Yên Minh (tỉnh Hà Giang). Giữa lúc một bộ phận người Hmông tự đi tìm một tôn giáo mới thì Tin Lành đã khôn khéo nắm bắt và lôi kéo họ, song việc truyền đạo giai đoạn này diễn ra lén lút, chủ yếu thông qua chương trình phát thanh của đài FEBC và Veritas cùng với sự lôi kéo một số người Hmông trong các làng/bản (Vụ Tin Lành, 2015, tr. 38).

Năm 1991, một số người đứng đầu các điểm nhóm liên hệ với những nhà thờ Công giáo và được các linh mục hướng dẫn, giảng giải về giáo lý, lễ nghi và cung cấp kinh thánh. Từ đây, hầu hết người Hmông theo “Vàng Chữ” đều chuyển sang theo Công giáo, nhưng về sau họ phát hiện ra, giáo lý Công giáo có những điều không giống như những gì họ được nghe qua đài FEBC, Veritas và nghi lễ của đạo Công giáo rất phức tạp, không phù hợp với nhu cầu của những người Hmông. Qua đài FEBC họ được chỉ dẫn đến Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) tại số 2 Ngõ Trạm, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tìm đến đây, họ được các mục sư truyền đạo của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) hướng dẫn, giảng giải cách thức hành đạo. Qua đó, họ nhận thấy giáo lý của Tin Lành giống như những gì họ được nghe từ đài FEBC và Veritas, phù hợp với cuộc sống của mình, nên số người Hmông theo “Vàng Chữ” lại chuyển từ Công giáo sang Tin Lành (Vụ Tin Lành, 2015, tr. 39).

Số lượng người theo đạo Tin Lành ngày càng tăng, những người đứng đầu các điểm nhóm thường xuyên được Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) tiếp đón, rao giảng về đạo lý, lễ nghi và cung cấp kinh sách, tài chính, để khi trở về họ thành những người hướng dẫn sinh hoạt đạo cho các tín đồ tại các thôn/bản. Các kinh thánh và tài liệu được in bằng chữ Hmông La-tinh rất dễ đọc, dễ nhớ, phù hợp với văn hóa của người Hmông. Vì vậy, việc truyền đạo diễn ra một cách dễ dàng, có ảnh hưởng sâu rộng và mạnh mẽ tới người Hmông thuộc các giới tính, lứa tuổi. Hội Thánh Tin Lành thường chọn những người trong độ tuổi thanh niên, trung niên có khả năng tổ chức và truyền đạo để làm các trưởng đạo, những người truyền đạo nòng cốt tại địa bàn. Họ là những người trực tiếp mang các sách báo, đĩa CD, VCD... tuyên truyền về Tin Lành cho người dân. Các tài liệu nghe nhìn này chủ yếu do Hội Thánh Tin Lành cung cấp (Nguyễn Văn Thắng, Chủ biên, 2009, tr. 128-129).

Để có thể truyền đến các vùng xa xôi, hẻo lánh với khả năng phổ rộng, vượt qua các rào cản về không gian, thời gian và quản lý hành chính, đồng thời đến được với nhiều người, đạo Tin Lành đều có tính toán kỹ trong phương tiện truyền giáo của mình. Thực tế cho thấy, ban đầu đồng bào các dân tộc thiểu số theo Tin Lành ở miền núi phía Bắc đều không được thấy hình hài Chúa Giesu, cây thánh giá hay quyển kinh thánh. Tất cả đều là nghe, cảm nhận, tưởng tượng và tin theo qua phát thanh.

4. Tin Lành có tính chất phức tạp, nhạy cảm

Một thời gian dài từ lúc hiện tượng “Vàng Chứ” bắt đầu phát triển ở một số nơi thuộc miền núi phía Bắc, các nhà khoa học và nhà quản lý vẫn còn tranh luận “Vàng Chứ” là Tin Lành hay giả Tin Lành hoặc một hiện tượng tôn giáo mới? Tình hình đó đã chi phối mạnh đến giới khoa học và các nhà quản lý. Khi hiện tượng *Vàng Chứ*, *Thìn Hùng* phát triển mạnh với những diễn biến phức tạp thì việc không hiểu đúng bản chất của *Vàng Chứ*, *Thìn Hùng* đã làm hạn chế công tác quản lý hiện tượng này. Vấn đề phức tạp và nhạy cảm của Tin Lành đã xuất hiện từ khá sớm khi chính quyền Pháp ở Đông Dương nghi ngờ một số giáo sĩ Đức làm gián điệp và cho đóng cửa nhà thờ, bắt giữ một số mục sư, truyền đạo người Việt Nam (Nguyễn Thanh Xuân, 2002, tr. 375).

Như đã đề cập, ở giai đoạn đầu, đạo Tin Lành truyền qua các đài phát thanh từ nước ngoài nên những người tin theo mặc sức tưởng tượng về Chúa. Họ tin những lời lan truyền về vị *Vàng Chứ* sắp ra và ứng xử với đạo Tin Lành tương tự như với những cuộc xung vua trong quá khứ. Tuy đài FEBC không tuyên truyền rằng Vàng Chứ Giesu sắp về và những người theo đạo cần bỏ công việc, tập bay, giết mổ gia súc gia cầm, chuẩn bị để đón Chúa..., song những thế lực thù địch bên ngoài đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết và hạn chế của một bộ phận người Hmông để tổ chức truyền giáo và biến nó thành một cuộc đón vua.

Một số tổ chức và cá nhân người Hmông lưu vong thường xuyên kích động, chỉ đạo và hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng ở trong nước hoạt động. Thời gian đầu, hướng chỉ đạo chính của họ là tuyên truyền, tập hợp lực lượng để đưa sang Lào tham gia hoạt động vũ trang chống phá, gây bạo loạn, nhằm lập “Vương quốc Hmông” ở Lào. Những năm gần đây, hoạt động này đã chuyển vào vùng đồng bào Hmông ở Việt Nam. Điển hình là vụ tập trung xung đón “Vua” xảy ra tại bản Huổi Khon, xã Nậm Kè, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên vào cuối tháng 4, đầu tháng 5/2011; vụ tập kích vào lực lượng vũ trang ở xã Sen Thượng, huyện Mường Nhé, Điện Biên năm 2012; các vụ âm mưu tái bạo loạn, phá rối an ninh tại Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai. Sau khi bị ngăn chặn, họ lại chuyển hướng lôi kéo, tổ chức lực lượng từ Việt Nam sang Lào để lập “Vương quốc Hmông” tại Lào. Họ tuyên truyền “lãnh thổ Vương quốc Hmông” rộng từ Km20, Quốc lộ 08 thuộc tỉnh Bôlykhamxay trở lên phía Bắc Lào, một phần Tây Bắc Việt Nam, Nam Trung Quốc và Myanmar; lấy thị xã Phôn Sa Vẳn, tỉnh Xiêng Khoảng, Lào làm thủ đô (Lê Xuân Trinh, 2018). Những hoạt động này, thời điểm cao nhất đã tác động, ảnh hưởng đến 410 bản ở 14 tỉnh (Tây Bắc có 337 bản ở 11 tỉnh;

Tây Nguyên có 73 bản ở 3 tỉnh), trong đó có 13 bản đặc biệt phức tạp. Trong số đó có 3 nhóm hoạt động mạnh ở địa bàn tỉnh Điện Biên, chi phối hoạt động ở các địa bàn khác do Lý A Dế, Vàng A Ía, Tráng A Chớ cầm đầu. Hoạt động chính trong thời gian qua là tuyên truyền tập hợp lực lượng đưa sang Lào tăng cường cho các nhóm phản động vũ trang chống phá, bạo loạn và đưa sang Trung Quốc, Myanmar vào các trung tâm huấn luyện. Thủ đoạn mới là làm hộ chiếu để đi theo con đường hợp pháp qua cửa khẩu; khi ta tăng cường ngăn chặn ở tuyến biên giới Việt - Lào thì chỉ đạo vượt biên qua đường Trung Quốc rồi từ đó đi sang Lào. Sau vụ Mường Nhé, số đối tượng cầm đầu các nhóm liên tiếp tuyên truyền, kích động tái tụ tập để chống phá ở Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai (Lê Xuân Trình, 2018).

Sự phức tạp của đạo Tin Lành còn thể hiện ở việc có nhiều hệ phái cùng vào truyền giáo ở khu vực miền núi phía Bắc, tạo ra hiện tượng cạnh tranh, giành giật tín đồ, thậm chí công kích nhau gây mâu thuẫn nội bộ các điểm nhóm. Ngoài Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) chiếm phần lớn số tín đồ, còn có Hội Thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam, Hội Thánh Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam, Hội Thánh Phúc âm Toàn vẹn, Hội Thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam,... Bên cạnh sự gia tăng và mở rộng phạm vi ảnh hưởng, dựa vào sự chỉ đạo, hỗ trợ của các tổ chức Tin Lành trong và ngoài nước, các hệ phái Tin Lành đã tự hình thành tổ chức ở cấp cơ sở, hoạt động ngày càng công khai. Từ cuối năm 2004, nhiều hệ phái từ miền Nam đã thâm nhập ra miền núi phía Bắc lôi kéo người dân đi theo, kể cả những tín đồ đã theo các hệ phái Tin Lành khác. Sự tranh giành phạm vi ảnh hưởng và số lượng tín đồ thể hiện mâu thuẫn giữa các hệ phái ngày càng lớn, quyết liệt nhất là giữa Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) và Hội Thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam. Nhiều mục sư và tín đồ cốt cán của Hội Thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam đã đến các vùng dân tộc thiểu số để tuyên truyền và đưa những tín đồ trung thành cầm đầu các điểm nhóm vào thành phố Hồ Chí Minh đào tạo, cấp thẻ hành đạo (Nguyễn Văn Minh, Hồ Ly Giang, 2011, tr. 4-5).

5. Tin Lành mang tính chất quốc tế

Tin Lành là một trong những tôn giáo lớn, có mặt ở nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ, trong khi đối tượng chính của Tin Lành ở miền núi phía Bắc Việt Nam là người Hmông - một dân tộc có tỷ lệ di cư rộng khắp thế giới. Vì vậy, “yếu tố quốc tế” về vấn đề Tin Lành ở miền núi phía Bắc Việt Nam rất dễ nhận thấy. Ngoài định cư ở Việt Nam, đồng bào Hmông có mặt ở nhiều quốc gia trên thế giới, hình thành nên một mạng lưới rộng khắp. Khi có một sự kiện, vấn đề liên quan đến người Hmông thì thông tin được truyền tải một cách nhanh chóng trong cộng đồng.

Một điểm nữa là các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta có đường biên giới dài tiếp giáp với Trung Quốc và Lào. Các dân tộc thiểu số cư trú tại vùng này hiện nay vẫn giữ mối quan hệ láng giềng, đồng tộc với các dân tộc bên kia biên giới. Họ thường xuyên qua lại trao đổi kinh tế, thăm thân giữa các vùng một cách dễ dàng do cùng một ngôn ngữ, vì thế tôn giáo quốc tế cũng dễ dàng tác động đến các tộc người này ở nước ta. Thực tế cho thấy, nhiều người từ

các nước như Trung Quốc, Lào đã xâm nhập trái phép vào vùng đồng bào các dân tộc Hmông và Dao nước ta để truyền bá đạo Tin Lành, kích động, lôi kéo người Hmông biểu tình, bạo loạn, trốn ra nước ngoài, vu cáo Việt Nam đàn áp người Hmông, tìm cách móc nối, phát triển tổ chức vào trong nước; câu kết, hỗ trợ cho những đối tượng chống đối trong nước bằng nhiều hình thức; triệt để lợi dụng không gian mạng Internet để tiến hành các hoạt động chống phá. Mặt khác, tìm cách hỗ trợ, thúc đẩy các tổ chức, hội nhóm của người Hmông ở nước ngoài để tập hợp, liên kết, hoạt động chống phá nước ta.

Hiện nay, người Hmông ở Mỹ đã hình thành hơn 160 tổ chức, hội nhóm, ở 25 bang. Đáng chú ý là tổ chức “Phát triển quốc gia Hmông” (Hmong National Development.Inc-HND); “Mặt trận giải phóng thống nhất người Hmông” (Hmong United Liberation Front); “Hội đồng nhân quyền Lào” (Lao Human Right Council); “Trung tâm văn hóa Hmông” (Hmong Cultural Center). Các tổ chức này kêu gọi thành lập một Nhà nước của người Hmông, tập hợp các phe phái, hội nhóm người Hmông, thông qua Hội người Hmông quốc tế, xác định cương lĩnh xây dựng “Nhà nước” của dân tộc Hmông; lợi dụng các diễn đàn quốc tế vu cáo Việt Nam; câu kết với các tổ chức, cá nhân phản động người Hmông ở trong và ngoài nước lập các tổ chức chính trị phản động. Hoạt động càng trở nên nguy hiểm hơn khi kết hợp vũ trang và vận động chính trị, đều tập trung hướng vào vùng Hmông Việt Nam tại các tỉnh Tây Bắc trên tuyến biên giới Việt Nam - Lào, đẩy mạnh tuyên truyền, lôi kéo dưới nhiều hình thức, kích động ly khai sang Lào để lập “Vương quốc Hmông” (Lê Xuân Trình, 2018).

Tính quốc tế của Tin Lành ở miền núi phía Bắc còn thể hiện khi Việt Nam mở rộng quan hệ ngoại giao với các quốc gia trên thế giới như Mỹ, Hàn Quốc, Châu Âu - những quốc gia luôn quan tâm đến nhân quyền và tự do tôn giáo, nhất là vấn đề Tin Lành trong vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Gần đây, các tổ chức người Hmông lưu vong với sự hỗ trợ của nước ngoài gia tăng những hoạt động tập hợp lực lượng, liên kết với các tổ chức phản động người Việt lưu vong, móc nối chỉ đạo những đối tượng trong nước tăng cường các hoạt động chống phá Nhà nước ta. Lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền để tạo sức ép từ bên ngoài và kích động chống đối từ bên trong; viết bài vu cáo, xuyên tạc việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước ta, với ý đồ quốc tế hóa vấn đề “Nhà nước - Vương quốc Hmông”, hướng tới ly khai, tự trị, độc lập (Lê Xuân Trình, 2018).

Kết luận

Sự du nhập và phát triển đạo Tin Lành vào miền núi phía Bắc nước ta tuy có muộn hơn so với các khu vực khác nhưng lại có tính phức tạp, nhạy cảm cao. Đối tượng chính của Tin Lành là hai dân tộc Hmông và Dao. Hai tộc người này sinh sống ở vùng miền núi xa xôi, chỉ được biết đến Tin Lành qua các phương tiện truyền thanh cùng các tài liệu khác bằng tiếng Hmông.

Do cuộc sống còn khó khăn nên người Hmông và người Dao luôn mong muốn tìm kiếm hướng đi mới để thay đổi, nên dễ bị đạo Tin Lành xâm nhập. Qua một số đặc điểm về

đạo Tin Lành ở miền núi phía Bắc cho thấy sự gắn bó chặt chẽ giữa dân tộc và tôn giáo. Đây là vấn đề không chỉ các nhà nghiên cứu dân tộc học và tôn giáo học tìm hiểu, mà qua đó đòi hỏi những người làm công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc - tôn giáo cần đặc biệt quan tâm.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Minh, Hồ Ly Giang (2011), “Một số vấn đề thực tiễn về đạo Tin Lành ở các dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc hiện nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 3-14.
2. Vương Duy Quang (2005), *Văn hóa tâm linh của người Hmông ở Việt Nam, truyền thống và hiện tại*, Nxb. Văn hóa - Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Thắng (Chủ biên, 2009), *Giữ “Lý cũ” hay theo “Lý mới”? Bản chất của những cách phản ứng khác nhau của người Hmông ở Việt Nam với ảnh hưởng của đạo Tin Lành*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Lê Bá Trình (2018), *Sinh hoạt tôn giáo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay, Tổng hợp số liệu từ báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tỉnh miền núi phía Bắc, tháng 7/2018*, trên trang <http://tapchimattran.vn/dai-doan-ket/sinh-hoat-ton-giao-trong-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-cac-tinh-mien-nui-phia-bac-hien-nay-16999.html> (Truy cập ngày 30 tháng 8 năm 2019).
5. Lê Xuân Trình (2018), *Sự thật cái gọi là “Nhà nước Mông”*, trên trang <http://www.bienphong.com.vn/su-that-cai-goi-la-ha-nuoc-mong> (Truy cập ngày 30 tháng 8 năm 2019).
6. Vụ Tin Lành (2015), Báo cáo tổng hợp Dự án: *Khảo sát thực trạng và quy hoạch điểm nhóm Tin Lành đã được đăng ký sinh hoạt tôn giáo ở khu vực Tây Nguyên và Tây Bắc, kiến nghị và giải pháp*, Ban Tôn giáo Chính phủ.
7. Nguyễn Thanh Xuân (2002), *Bước đầu tìm hiểu đạo Tin Lành trên thế giới và Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
8. Trần Thị Hồng Yến (Chủ biên, 2018), *Biến đổi về văn hóa, xã hội của cộng đồng cư dân theo đạo Tin Lành ở một số dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc (từ 2005 đến nay)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.